| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BÀ RỊA**<br>**TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017
*V/v:"Tranh chấp quan hệ hôn nhân"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA –VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Thọ

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 về *"Tranh chấp quan hệ hôn nhân"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2017, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thanh N – sinh năm 1982 (có mặt)
Trú tại: 2/39B tổ 11, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chỗ ở: 244 Hoàng Hoa Thám, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

***2. Bị đơn:*** Ông Đặng Thanh H – sinh năm 1983 (vắng mặt)
Trú tại: 2/39B tổ 11, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Đặng Thanh H chính thức chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông bà không có con chung từ đó ông H chán nản sinh ra chời bời và quan hệ lăng nhăng bên ngoài với nhiều người phụ nữ khác. Bà N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông H không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do mâu thuẫn căng thẳng nên đến năm 2015 bà N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột không còn sống chung với ông H nữa. Từ lúc ly thân cho đến nay ông H hoàn toàn không có liên

lạc gì với bà. Cuối năm 2015 ông H còn tổ chức lễ cưới với một người phụ nữ khác. Theo bà, giữa bà và ông H không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà N xác nhận ông bà không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, vợ chồng không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập ông H đến Toà làm việc nhưng ông H không đến Tòa án nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông H.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của ông H, kết quả công an phường L xác nhận ông Đặng Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 2/39B tổ 11, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hiện ông H chưa cắt chuyển hộ khẩu. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai người làm chứng để xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông H và bà N.

*Về ý kiến của người làm chứng bà Đỗ Thị Tường V:*

Bà Đỗ Thị Tường V là hàng xóm gần với nhà cha mẹ ruột ông H, nơi ông H bà N chung sống sau khi kết hôn nên bà Vân biết rõ về mối quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà N. Bà V cho biết: ông H bà N kết hôn và sống chung với cha mẹ chồng là ông Đặng Thanh T và bà Huỳnh Thị T một thời gian khá dài. Thời gian sau này thì giữa ông H và bà N có xảy ra mâu thuẫn mà theo bà nguyên nhân là do vợ chồng không có con chung nên ông H thường xuyên ra ngoài chơi bời, quan hệ với người phụ nữ khác. Đến đầu năm 2015 thì bà N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không sống chung với ông H nữa. Do bà N bỏ đi nên bà cũng không rõ quan hệ vợ chồng của họ sau đó như thế nào. Khoảng cuối năm 2015 gia đình ông T bà T có tổ chức lễ cưới cho ông H với một người phụ nữ khác và có mời bà V cũng như đông đủ bà con thân thuộc, lối xóm. Bà V cũng cho biết quá trình chung sống ông H và bà N không có con chung.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:*

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

**1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn ông Hồng chưa chấp hành mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

**2. Về nội dung vụ án:**

Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H đã trầm trọng, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng bà N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông H; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, về án phí bà N phải nộp án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Bà Nguyễn Thị Thanh N có đơn xin ly hôn, ông Hồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Bà Rịa nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đặng Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Xét về quan hệ hôn nhân:** Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Đặng Thanh H là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông bà không có con chung nên ông H không toàn tâm toàn ý lo cho gia đình mà có quan hệ với người phụ nữ khác. Khi mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng thì bà N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và từ năm 2015 đến nay ông bà sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai . Tòa án cũng đã nhiều lần vận động hòa giải nhưng bà N vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H vì theo bà giữa ông bà không còn tình cảm, ông H cũng đã chung sống với người phụ nữ khác. Qua thu thập lời khai của người làm chứng là bà Đỗ Thị Tường V là hàng xóm nơi ông H bà N sống chung trước đây, bà V cũng xác nhận mâu thuẫn giữa ông H và bà N là có thật, vợ chồng đã ly thân không còn chung sống. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N là có căn cứ, mâu thuẫn giữa bà N và ông H là có thực và trầm trọng, dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông H.

**[3]. Về con chung**: Quá trình chung sống bà N và ông H không có con chung.

**[4]. Về tài sản chung, nợ chung:** Bà N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]. Về án phí:** Bà N phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh N.

**+ Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với ông Đặng Thanh H.

**+ Về con chung:** Bà N và ông H không có con chung.

**+ Về tài sản chung, nợ chung:** Bà N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về án phí**: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2016/0006090 ngày 12/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2017), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TPBR;
- UBND P.Long Toàn;
- Chi cục THADS TPBR;
- Các đương sự;
- Lưu

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

**Nguyễn Thị Ngọc Anh**

***Nơi nhận:*** **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh BR-VT

**TÒA**

- VKSND TPBR
- UBND P.Phước Nguyên
- Các đương sự
- Lưu

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Nguyễn Thị Ngọc Anh**